

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh, như sau:

Phần I

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG
TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Ngày 10/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2019 nhằm triển khai, thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh), nội dung Kế hoạch hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả triển khai, thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm của công tác cải cách hành chính, tạo chuyển biến mới trong quá trình thực hiện, cải thiện kết quả Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2019, theo đó, đề ra 29 nhiệm vụ cụ thể và xác định rõ cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và thời gian hoàn thành. Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai và ban hành Kế hoạch thực hiện đồng bộ, đúng quy định, kết quả, đến nay 100% nhiệm vụ đề ra đã được hoàn thành.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 10/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2019. Trong năm 2019, tỉnh Trà Vinh đã thực hiện đạt một số kết quả sau:

- Nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính và cải thiện kết quả các Chỉ số liên quan: Cải cách hành chính (PAR INDEX), Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 14/02/2019 về hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh năm 2019. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết các Chỉ số và ban hành Kế hoạch số

61/KH-UBND ngày 24/7/2019 về việc khắc phục, nâng cao kết quả Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI tỉnh Trà Vinh và thực hiện Thông báo số 202/TB-VPCP ngày 04/6/2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

- Ban hành Công văn số 1395/UBND-NC ngày 18/4/2019 chỉ đạo các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) về việc thực hiện ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2018, triển khai nhiệm vụ năm 2019. Ngoài ra, tỉnh cũng ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ theo phương châm hành động của Chính phủ năm 2019 “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bức phá, hiệu quả” và phương châm hành động năm 2019 của Tỉnh ủy “*Hành động, Kỷ cương, Trách nhiệm, Sáng tạo, Về đích*”.

- Với mục đích đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp, ngày 06/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 732/UBND-NC chỉ đạo các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tiếp tục thực hiện mô hình “*Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm*”. Theo đó, hầu hết các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã triển khai, thực hiện, xây dựng kế hoạch và các mô hình cụ thể nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Qua bước đầu tổng hợp phiếu khảo sát, trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị đạt được mức độ hài lòng khá cao từ người dân, doanh nghiệp.

- Nhằm tiếp tục theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh, ngày 08/8/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ban hành kèm theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh) và Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 27/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2019.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện cải cách hành chính của tỉnh năm 2019 được chú trọng thực hiện, cơ bản đủ để các cơ quan, đơn vị làm cơ sở tổ chức thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Năm 2019, tỉnh Trà Vinh tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra tình hình triển khai và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hành chính.

Trong năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra về công tác cải cách hành chính. Đoàn đã tiến hành kiểm tra thực tế tại 11 cơ quan, đơn vị (02 sở, ngành tỉnh và 09 huyện, thị xã, thành phố), 17 cơ quan, đơn vị tự kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị và đã có báo cáo kết quả về Đoàn Kiểm tra liên ngành. Bên cạnh đó, thành lập các Đoàn kiểm tra, thanh tra nội vụ, công vụ, kết quả như sau: Thanh tra công tác nội vụ 05 cuộc tại 05 đơn vị: Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang,

Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh với nội dung thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, công tác văn thư, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè; thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng tại Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ. Tiến hành kiểm tra công tác nội vụ tại 20 đơn vị là các sở, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh theo kế hoạch đã được phê duyệt; kiểm tra công vụ 61 cuộc tại 61 đơn vị (kiểm tra đột xuất).

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh), năm 2019, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các hoạt động công tác cải cách hành chính thông qua các hình thức như: Hội nghị, các bài viết đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ, của các cơ quan, đơn vị, các chuyên mục của Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh,... qua đó, các hoạt động và kết quả cải cách hành chính cơ bản được thông tin đến người dân trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền đến năm 2020, góp phần hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm đề ra trong chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, ngày 14/11/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND về tổ chức Hội thi Chung tay cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh lần II năm 2019. Qua công tác chuẩn bị các nội dung để tổ chức hội thi ở cấp huyện và cấp tỉnh, Hội thi diễn ra từ ngày 18/6/2019 đến ngày 20/6/2019 tại Hội trường của Trường Đại học Trà Vinh, với 21 đội dự thi. Về nội dung thi: Mỗi đội tham gia hai phần thi: Phần thi tự giới thiệu, thuyết trình, bốc thăm trả lời gói câu hỏi và phần thi tiểu phẩm. Kết quả, Ban Giám khảo đã chọn ra được các đội đạt giải để khen thưởng. Hội thi đã tác động mạnh mẽ đến công tác tuyên truyền, qua nội dung thi thì cán bộ, công chức, viên chức đã nắm vững hơn về các văn bản chỉ đạo, nắm vững được tình huống xử lý vấn đề, trao đổi, học tập được các mô hình hay, phù hợp để nghiên cứu áp dụng ở đơn vị mình. Hội thi đã kết thúc nhưng những quy định các bước thủ tục, nhận trả hồ sơ, những khâu hiệu, những tiểu phẩm, phương châm hành động được truyền đạt đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân được biết nhiều hơn về công tác cải cách hành chính được thực hiện rất thông thoáng, chính xác và kịp thời.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Tiếp tục triển khai, thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, ngày 24/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1463/UBND-THNV chấn chỉnh công tác phối hợp trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường trách nhiệm giữa các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện nâng cao chất lượng văn bản trong thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đó, trong quá trình thực hiện luôn có sự phối hợp chặt chẽ từ khâu soạn thảo đến thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo đúng quy định, hợp hiến, hợp

pháp, từng bước nâng cao chất lượng công tác xây dựng và thẩm định văn bản trên địa bàn tỉnh. Kết quả, Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định **68** dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, đơn vị soạn thảo trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (100% được thực hiện đúng quy trình).

- Thực hiện Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 - 2018 (ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Tính đến ngày 25/11/2019, tỉnh Trà Vinh đã rà soát tổng số **449** văn bản, kết quả rà soát có 366 văn bản còn hiệu lực, 83 văn bản hết hiệu lực.

- Công tác kiểm tra văn bản: Năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện tự kiểm tra **23** Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, qua kiểm tra có 03 văn bản sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và đã xử lý theo quy định.

Nhìn chung, nhiệm vụ cải cách thể chế năm 2019 của tỉnh Trà Vinh được quan tâm thực hiện, đảm bảo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh được đồng bộ, thông suốt, đúng quy định, phù hợp với tình hình phát triển của địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Trong năm 2019, các cơ quan, đơn vị phối hợp với cơ quan chuyên môn tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm soát **1.022** thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là TTHC) công bố mới và bãi bỏ **286** TTHC. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có tổng số **1.949** TTHC. Tiếp tục thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, năm 2019 việc rà soát, cập nhật, công bố mới TTHC luôn gắn với việc xem xét, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC so với quy định, theo đó, đã cắt giảm 1/2 thời gian giải quyết đối với **1.619** TTHC, 1/3 thời gian đối với **98** TTHC.

- Tiếp tục đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính, triển khai, thực hiện đồng bộ, đúng quy định về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có tổng số **1.546** TTHC được giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thực hiện tích hợp dữ liệu TTHC được các Bộ công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, nâng số lượng TTHC được công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC là **2.139** TTHC.

b) Về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị

Ngày 02/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ban hành kèm theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND), nhằm đảm bảo việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá

nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh đúng quy định, kịp thời tiếp nhận, giải quyết thỏa đáng những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính.

c) Về cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1914/UBND-KSTT ngày 31/5/2018 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp tham mưu triển khai, thực hiện trên địa bàn tỉnh, ngày 02/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ban hành kèm theo Quyết định số 1949/QĐ-UBND). Trên cơ sở các văn bản triển khai, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tổ chức thực hiện tương đối đồng bộ, tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tiếp nhận và trả kết quả của 14 sở, ngành tỉnh), 02 Trung tâm Hành chính công cấp huyện (huyện Cầu Ngang và thành phố Trà Vinh), 04 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 07 huyện, thị xã, 106 phường, thị trấn thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, 07 cơ quan, đơn vị xây dựng quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông với tổng số 105 thủ tục hành chính được thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1238/UBND-THNV ngày 08/01/2019 chỉ đạo thí điểm chuyển giao nhiệm vụ của Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân huyện Càng Long và Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về Bưu điện huyện. Đến nay, đã chuyển giao xong Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và 03 đơn vị cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: **35.475** hồ sơ, trong đó: Số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 875 hồ sơ. Số hồ sơ mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua bưu điện): 31.289 hồ sơ. Số mới tiếp nhận trực tuyến (mức độ 3,4): 3.311 hồ sơ. Kết quả đã giải quyết: **34.658** hồ sơ, trong đó: Đúng hạn: **34.586** hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,8% (trả kết quả tại nhà **3.610** hồ sơ; giải quyết theo mô hình 4 tại chỗ **4.609** hồ sơ). Quá hạn: **72** hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,2% (Sở Tài nguyên và Môi trường: 15 hồ sơ; Sở Y tế: 09 hồ sơ; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 12 hồ sơ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 hồ sơ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 hồ sơ; Sở Giao thông vận tải: 03 hồ sơ; Sở Giáo dục và Đào tạo: 19 hồ sơ; Sở Xây dựng: 02 hồ sơ; Ban Quản lý Khu kinh tế: 06 hồ sơ; Sở Công Thương: 01 hồ sơ). Số hồ sơ đang giải quyết: **817** hồ sơ, trong đó: Chưa đến hạn 817 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Việc rà soát vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị tiếp tục được Ủy ban nhân dân tỉnh chú trọng thực hiện. Kết quả trong năm 2019 đã thực hiện như sau:

a) Về tổ chức bộ máy

- Thực hiện Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về "một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

ting gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 71-KH/TU) và Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”* (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 72-KH/TU), ngày 05/4/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 638/QĐ-UBND và Quyết định số 639/QĐ-UBND nhằm triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của Trung ương và chỉ đạo của Tỉnh ủy trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, ngày 27/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 2073/UBND-NC chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

- Kết quả thực hiện đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong, giảm 42 phòng chuyên môn thuộc sở và 02 chi cục, chiếm tỷ lệ 29,33% so với tổng số phòng chuyên môn, chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh năm 2017; thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập, kết quả năm 2019, tiếp tục giảm 01 trạm y tế và 01 phòng khám đa khoa khu vực; giảm 02 phòng thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, ngành giáo dục cấp huyện giảm 19 trường, sáp nhập giảm 02 đầu mối sự nghiệp văn hóa, thể thao và Đài Truyền thanh cấp huyện.

- Thực hiện Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 17/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thí điểm hợp nhất Văn phòng cấp ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Kế hoạch số 103-KH/TU ngày 17/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thí điểm hợp nhất cơ quan Ban Tổ chức cấp ủy với Phòng Nội vụ cấp huyện, Kế hoạch số 104-KH/TU ngày 17/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thí điểm hợp nhất cơ quan Ủy ban Kiểm tra cấp ủy với Thanh tra cấp huyện, đến nay đã sắp xếp, giảm 27 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Về biên chế

+ Biên chế công chức:

Căn cứ chỉ tiêu biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao cho tỉnh Trà Vinh tại Quyết định số 746/QĐ-BNV ngày 05/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của tỉnh Trà Vinh năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng chỉ tiêu biên chế công chức năm 2020 của cơ quan hành chính. Trên cơ sở Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2020 cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố là 1.665 biên chế, giảm 36 biên chế so với năm 2019. Chỉ tiêu biên chế dự phòng năm 2020 của tỉnh (giao Sở Nội vụ quản lý 28 biên chế, tăng 17 biên chế so với năm 2019).

Tính từ năm 2015 đến năm 2020, tỉnh Trà Vinh đã giảm 159 biên chế công chức, chiếm tỷ lệ 8,51% so với biên chế được giao năm 2015 (chưa tính 44 biên chế công chức chuyển về Tổng cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương). Như vậy, đến năm 2021, tỉnh Trà Vinh tiếp tục giảm 28 biên chế công chức để đạt tỷ lệ 10% biên chế so với

biên chế công chức được giao năm 2015 (187/1.868 biên chế). Đối chiếu với số biên chế công chức dự phòng hiện nay, tỉnh Trà Vinh đảm bảo giảm biên chế đạt chỉ tiêu 10% vào năm 2021 theo quy định của Trung ương.

Từ năm 2015 đến tháng 11/2019, đã giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP là 110 người.

+ Biên chế sự nghiệp:

Ngày 15/10/2019, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 5223/BNV-TCBC về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 của tỉnh Trà Vinh, tổng số 18.925 biên chế. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2020 là 18.925 biên chế. Trên thực tế, năm 2019, tỉnh Trà Vinh đã cắt giảm tổng số 233 biên chế; trong đó, giảm theo chỉ tiêu của Bộ Nội vụ là 431 biên chế (lấy từ biên chế dự phòng của tỉnh là 198 biên chế), chỉ tiêu dự phòng của tỉnh còn 981 biên chế. Tính từ năm 2015 đến năm 2020, tỉnh Trà Vinh đã giảm 1.624 biên chế sự nghiệp. Như vậy, đến năm 2021, tỉnh Trà Vinh tiếp tục giảm 431 biên chế sự nghiệp để đạt tỷ lệ 10% biên chế so với biên chế sự nghiệp năm 2015 (2.055/20.549 biên chế). Đối chiếu với số biên chế sự nghiệp dự phòng hiện nay, tỉnh Trà Vinh đảm bảo giảm biên chế sự nghiệp đạt chỉ tiêu 10% vào năm 2021 theo quy định của Trung ương.

Từ năm 2015 đến tháng 11/2019, đã giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP là 599 viên chức.

Ngoài ra, nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh, năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc theo nguyện vọng. Nhằm bổ sung thêm các đối tượng nghỉ được hưởng chính sách của tỉnh, ngày 12/4/2019 Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc theo nguyện vọng. Tính đến nay, toàn tỉnh có 173 người được giải quyết theo Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Về Đề án vị trí việc làm:

Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Trà Vinh được Bộ Nội vụ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tối thiểu của 20 sở, ngành tỉnh và 09 huyện, thị xã, thành phố.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm đối với các trường mầm non, mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Về đổi mới công tác tuyển dụng, bổ nhiệm:

- Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 06/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức tuyển dụng công chức năm 2019 tỉnh Trà Vinh, Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 02/8/2019 sửa đổi, bổ sung kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2019 tỉnh Trà Vinh. Theo đó, có tổng số **311** thí sinh đăng ký dự thi. Kết quả có **51** thí sinh trúng tuyển vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện (*cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội 22 thí sinh; cơ quan, tổ chức hành chính 29 thí sinh*).

- Tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính và thi thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính. Theo đó, có **146** thí sinh đăng ký dự thi (trong đó: 135 cán bộ, công chức và 11 viên chức), kết quả có **83** người trúng tuyển và được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính.

- Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II năm 2019 (tổ chức thi ngày 30/11/2019, ngày 01/12/2019 và ngày 08/12/2019).

c) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 25/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 và Kế hoạch bồi dưỡng công chức xã năm 2019 từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Kế hoạch số 15/KH-SNV ngày 18/02/2019 của Sở Nội vụ). Kết quả, năm 2019 cử đi đào tạo sau đại học: **48** cán bộ, công chức, viên chức; cử đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 2, bồi dưỡng quản lý nhà nước về báo chí, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng về quản lý y tế dành cho lãnh đạo Sở Y tế, bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp, bồi dưỡng kiến thức đối ngoại và quan hệ quốc tế: **57** cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức **46** lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, kế toán viên chính, bồi dưỡng về tin học, tiếng Khmer, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 3,... với số lượng **3.014** lượt cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức **03** lớp bồi dưỡng cho công chức xã theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, có **204** công chức tham gia.

- Chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Trường Đại học Trà Vinh, Trường Chính trị tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 11 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các đối tượng quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, lớp nguồn quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021 - 2026, với số lượng 1.264 học viên. Số cán bộ, công chức cấp xã tham gia bồi dưỡng năm 2019: 720 cán bộ, công chức.

d) Về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng các quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, nghỉ hưu, chuyển xếp lương theo đúng quy định.

5. Cải cách tài chính công

- Năm 2019, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các quy định về đổi mới cơ chế tài chính như: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của

Chính phủ về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả đến nay trên địa bàn tỉnh, có:

+ Tổng số **319** cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (43 cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, 170 cơ quan, tổ chức cấp huyện và 106 đơn vị cấp xã; trong đó, tính cả các cơ quan Đảng, đoàn thể) thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính.

+ Tổng số **516** đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện (104 đơn vị cấp tỉnh, 412 đơn vị cấp huyện) thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Tổng số **03** đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, tổ chức và biên chế của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Việc xây dựng và hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ tiếp tục được các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt, với mục đích sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn kinh phí, tự chủ trong tổ chức bộ máy và biên chế của cơ quan, đơn vị, đảm bảo hiệu quả trong quá trình hoạt động. Nhìn chung, các vấn đề liên quan đến công tác cải cách tài chính công được thực hiện với tinh thần chủ động và ý thức trách nhiệm cao, nhằm đem lại những kết quả tốt nhất, tiết kiệm được chi phí để tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

a) Về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT):

- Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành được triển khai áp dụng tại tất cả các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh (triển khai nội bộ và liên thông), với 6.448 người dùng. Đến nay, trên 90% các văn bản (trừ tài liệu mật) chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử. Hệ thống kết nối thông suốt với Bộ, ngành trung ương, đáp ứng việc trao đổi văn bản điện tử giữa tỉnh với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tham gia trên trục liên thông văn bản quốc gia; tổng văn bản đi trong năm: 88.263 văn bản, ký số 53.577 văn bản (tỷ lệ 60,7%).

- Ứng dụng chứng thư số: Năm 2019, cấp mới **979** chứng thư số (**16** tổ chức, **963** cá nhân), thu hồi **13** chứng thư số (**11** tổ chức, **02** cá nhân), cấp **13** SIM PKI cho lãnh đạo UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp. Nâng tổng số đến nay là **1.445** chứng thư số dạng USB Token (**458** tổ chức, **987** cá nhân), **13** chứng thư số dạng SIM phục vụ ký số văn bản điện tử, ký số hồ sơ giao dịch với Bảo hiểm xã hội, Thuế, Kho bạc Nhà nước.

- Ứng dụng mail công vụ: Đã thiết lập và cấp mới **551** tài khoản cho người dùng, nâng tổng số hộp thư điện tử công vụ (mail.travinh.gov.vn) cho cán bộ công chức, viên

chức là **6.890**. Qua đó góp phần đẩy mạnh tăng cường trao đổi, sử dụng văn bản điện tử qua môi trường mạng.

- Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến (VNPT- iGate) triển khai cho tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh (cấp tỉnh 18, cấp huyện 9, cấp xã 106), theo đó, tất cả các hồ sơ thủ tục được giải quyết thông qua phần mềm. Tổng số thủ tục hành chính cập nhật trên hệ thống 1.947 thủ tục. Trong năm hệ thống đã tiếp nhận **167.021** hồ sơ (**164.829** trực tiếp, **2.912** trực tuyến) và giải quyết **163.250** hồ sơ, các hồ sơ còn lại đang trong quá trình giải quyết. Thực hiện kết nối liên thông giữa phần mềm VNPT- iGate và phần mềm Quản lý hồ sơ địa chính ViLIS (Sở Tài nguyên và Môi trường), kết nối liên thông với phần mềm Lý lịch tư pháp (đang thử nghiệm), đang thực hiện liên thông với phần mềm quản lý hộ tịch, trong thời gian tới thực hiện liên thông kết nối với các ngành y tế, giao thông vận tải, kế hoạch và đầu tư....; Kết nối phần mềm ISO điện tử (<http://iso.travinh.gov.vn>) với hệ thống một cửa điện tử.

- Phần mềm ISO điện tử (<http://iso.travinh.gov.vn>) được kết nối liên thông với hệ thống một cửa điện tử, đã triển khai áp dụng đến 18 cơ quan cấp tỉnh, 09 UBND cấp huyện và 106 xã, phường, thị trấn.

Hệ thống hội nghị truyền hình: Kết nối 14 điểm cầu (Trung tâm Hội nghị của tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy và UBND 09 huyện, thị xã, thành phố), đã tổ chức phục vụ **13** cuộc họp/năm (định kỳ hàng tháng và đột xuất giữa địa phương và trung ương). Ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ: Đa số các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm quản lý kế toán, quản lý tài sản cố định.... phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó các ngành còn quan tâm ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên ngành như y tế, tài nguyên môi trường, tài chính, thương mại, giáo dục, lao động, thuế, bảo hiểm,...

Ngoài ra, Ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp: Hệ thống Cổng thông tin điện tử có **01** cổng chính với 03 ngôn ngữ: Tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Khmer và **40** trang thông tin thành phần, cung cấp thông tin cơ bản theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Cổng dịch vụ công tỉnh Trà Vinh phục vụ cung cấp thông tin về thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tổng số dịch vụ trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh là 1.947 (mức 3: 498 dịch vụ, tỷ lệ 25,5%, mức 4: 390 dịch vụ, tỷ lệ 20,03%). Trong năm tiếp nhận 65.451 hồ sơ mức 3 (65.364 trực tiếp, 87 trực tuyến (tỷ lệ 0,13%)); 12.219 hồ sơ mức 4 (10.114 trực tiếp, 2.105 trực tuyến (tỷ lệ 17,23%)).

Hiện tại, tỉnh đang vận hành Zalo Cổng thông tin điện tử tỉnh cung cấp thông tin về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện, thông tin cần thiết đến người dân và doanh nghiệp (thủ tục hành chính, dịch vụ công, an sinh xã hội; các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách mới, tra cứu hồ sơ và các thông tin cần thiết khác,...).

b) Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015:

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của trung ương về việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ

thông quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của tỉnh Trà Vinh năm 2019 (ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2019). Đến nay, các cơ quan, đơn vị tiếp tục duy trì và cải tiến các quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng tiêu chuẩn chất lượng quy định. Kết quả, tổng số có **169** cơ quan, đơn vị xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (trong đó có 47 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, 16 cơ quan, đơn vị cấp huyện và 106 đơn vị cấp xã).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

- Sự quan tâm của cấp ủy Đảng và chính quyền trong việc triển khai, thực hiện, chỉ đạo khắc phục kịp thời những hạn chế trong các hoạt động cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh thời gian qua.

- Các hoạt động kiểm tra, thanh tra, đặc biệt là kiểm tra công vụ và tái kiểm tra công vụ được đẩy mạnh thực hiện, qua đó, theo dõi và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhằm thúc đẩy công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh hoạt động đúng lộ trình và ngày càng hiệu quả. Đồng thời, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc tổ chức thực hiện các quy định về sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế được chú trọng, từ đó, đã đạt được một số kết quả thiết thực, góp phần hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu mà trung ương và Tỉnh ủy đã đề ra.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng thực hiện, xây dựng kế hoạch trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng vượt kế hoạch đề ra, đảm bảo đào tạo đúng đối tượng, đúng chuyên môn, qua đó, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả.

- Các hoạt động kiểm tra, rà soát, văn bản quy phạm pháp luật và việc kiểm soát thủ tục hành chính luôn được triển khai, thực hiện với tinh thần phối hợp và trách nhiệm cao, góp phần giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý và công bố mới các thủ tục hành chính kịp thời, đúng quy định.

- Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, bổ sung kịp thời, rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định, các phương thức tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện đúng theo quy định (qua dịch vụ bưu chính công ích và qua dịch vụ công trực tuyến), góp phần tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện phương châm hành động của Tỉnh ủy, các đơn vị cụ thể mô hình có chủ đề thực hiện rõ ràng, hiệu quả.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động hành chính góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại, hoạt động hiệu quả, tiết kiệm, nâng cao sự tin nhiệm, hài lòng của người dân đối với các cơ quan nhà nước.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Bên cạnh những ưu điểm thì công tác cải cách hành chính của tỉnh còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Tỉnh đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tuy nhiên theo quy định của Luật lưu trữ, pháp luật chuyên ngành, hồ sơ thủ tục vẫn thực hiện lưu

trữ song trùng văn bản giấy và điện tử, do đó chưa thật sự tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia theo Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử (ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ) còn chậm và chưa triển khai triệt để từ trung ương tới địa phương để tạo nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu, từ đó gặp khó khăn trong quá trình truy vấn sử dụng chung tài nguyên thông tin, đặc biệt là việc đơn giản hóa các thủ tục, giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Việc công bố kết quả về các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS,... nên tổ chức trực tuyến và gửi kết quả cho địa phương.

- Bộ Nội vụ hướng dẫn đóng dấu xác nhận đi, đến của các cơ quan nhận văn bản cho phù hợp (việc đóng dấu xác nhận đi, đến phía trên Quốc ngữ của văn bản nên điều chỉnh việc đóng dấu sang phía trên bên trái văn bản).

- Công tác đo lường đánh giá Chỉ số PAR INDEX của các địa phương, Bộ Nội vụ lấy kết quả thanh tra đưa vào chấm điểm là chưa phù hợp vì trong năm có địa phương được Bộ Nội vụ thanh tra, có địa phương không được Bộ Nội vụ thanh tra dẫn đến kết quả không công bằng.

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020

I. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Qua kết quả và những kinh nghiệm cải cách hành chính được đúc kết từ các hoạt động cải cách hành chính thời gian qua và năm 2019, tỉnh Trà Vinh tiếp tục xây dựng và triển khai các hoạt động cải cách hành chính năm 2020, theo đó, tập trung vào những nội dung trọng tâm và công việc cụ thể như sau:

1. Tiếp tục triển khai, thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 và hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính còn lại của giai đoạn 2016 - 2020 được đề ra trong năm 2020.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền công tác cải cách hành chính, tổ chức Hội nghị sơ kết Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 24/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về khắc phục, nâng cao kết quả Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI tỉnh Trà Vinh và thực hiện Thông báo số 202/TB-VPCP ngày 04/6/2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ gắn với Hội nghị công bố kết quả tự đánh giá, chấm điểm công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị theo Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2019.

3. Tiếp tục thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo đúng quy định và hiệu quả.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kiểm soát, cập nhật các quy định mới về thủ tục hành chính; kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và công bố mới thủ tục hành chính theo quy định. Theo dõi hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 02 Trung tâm Hành chính công huyện Cầu Ngang và thành phố Trà Vinh.

5. Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định của trung ương và của tỉnh.

6. Chỉ đạo tiếp tục triển khai, thực hiện công tác tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và tổ chức thẩm định, phê duyệt đối tượng tinh giản biên chế của các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2020 đảm bảo đúng quy định.

7. Tiếp tục chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, năng lực, kỹ năng hành chính và phẩm chất đạo đức tốt, phù hợp vị trí việc làm, hoàn thành tốt công việc được giao.

8. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đảm bảo thực hiện các quy chế chi tiêu hiệu quả, tiết kiệm.

9. Tiếp tục triển khai, thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT vào các hoạt động hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

10. Triển khai, thực hiện Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2020.

11. Tăng cường công tác kiểm tra liên ngành công tác cải cách hành chính, kiểm tra công vụ, nội vụ, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chỉ đạo các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tập trung nỗ lực thực hiện một số giải pháp sau:

1. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, tăng cường công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

2. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về công tác cải cách hành chính.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác cải cách hành chính để có giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính.

4. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo kịp thời về cải cách hành chính theo quy định.

5. Từng cơ quan, đơn vị tiến hành sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động cải cách hành chính năm 2020, giai đoạn 2016 - 2020, chuẩn bị để tỉnh tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

6. Trên cơ sở Chương trình công tác cải cách hành chính giai đoạn tiếp theo của trung ương, Sở Nội vụ tham mưu xây dựng Chương trình của tỉnh; đồng thời, các sở,

ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên cơ sở chương trình của tỉnh để xây dựng chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo Bộ Nội vụ./.

(Đính kèm các mẫu phụ lục báo cáo theo quy định)/.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BLĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC. 03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hân



Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

(Kèm theo Báo cáo số: **301** /BC-UBND ngày **06** /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	Kế hoạch số 60/KH-UBND ban hành ngày 10/12/2018	29 nhiệm vụ	29 nhiệm vụ	
2	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm	Kế hoạch số 34/KH-ĐKT ngày 29/8/2019	11	11	
3	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của tỉnh	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 21/01/2019	06	06	
4	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	Kế hoạch số 34/KH-ĐKT ngày 29/8/2019	11	11	Việc kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được lồng ghép vào Kế hoạch kiểm tra cải

					cách hành chính
5	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh năm 2019	Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 25/01/2019	33	46	Vượt kế hoạch đề ra
6	Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh	03/12/2018	23	- 22 nhiệm vụ đã thực hiện. - 01 nhiệm vụ còn lại đang thực hiện.	



Phụ lục 2

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC
(Kèm theo Báo cáo số: 301 /BC-UBND ngày 06 /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	27	18	09	0	
2	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC	11	02	09	0	
3	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	135	20	09	106	
4	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	11	02	09	-	Việc kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được lồng ghép vào Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính
5	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	11	02	09	-	
6	Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo NĐ130	319	43	170	106	
7	Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130	319	43	170	106	

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
8	Số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo ND43, ND 16	516	104	412	-	
9	Số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	516	104	412	-	
10	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh, cấp huyện được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo ND 54	03	03	0	-	
11	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	241	19	116	106	
12	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	241	19	116	106	
13	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	28	19	09	-	
14	Số cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được cấp chứng chỉ ISO	169	47	16	106	
15	Số cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	169	47	16	106	
16	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	18	18	-	-	
17	Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	09	-	09	-	
18	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)	106	-	-	106	

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
19	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	27	18	09	-	
20	Số huyện thực hiện mô hình một cửa hiện đại	09	-	09	-	



Phụ lục 3

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Kèm theo Báo cáo số: **301** /BC-UBND ngày **06** /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính	319	43	170	106	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	516	104	412	-	
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện)	01	01	0	-	



Phụ lục 4

SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 301 /BC-UBND ngày 06 /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của tỉnh	1.949	1.534	262	153	
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	1.949	1.534	262	153	



Phụ lục 5

TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC

(Kèm theo Báo cáo số: 301 /BC-UBND ngày 08 /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/Đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC	11	11	100%	
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	14	14	100%	



Phụ lục 6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số: 301 /BC-UBND ngày 06 /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng công chức cấp xã	1.248	51,38%	
2	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn theo quy định	2.322	98,93%	
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	720	30,68%	



Phụ lục 7

BIÊN ĐỘNG VỀ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 20

(Kèm theo Báo cáo số: 301 /BC-UBND ngày 06 /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Năm 2018	<u>Năm 2019[1]</u>	
I	SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG	196	195	
1	Sở Xây dựng	6	6	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	5	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	
2.	Sở Nội vụ	6	6	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	5	Năi Lư
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp		1	Năi Lư Trư Nộ Hà ph
3	Ban Dân tộc	3	3	
-	Số lượng phòng chuyên môn	3	3	

-	Số lượng phòng chuyên môn	4	4	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	3	3	
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	44	44	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	6	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	38	38	
7	Sở Khoa học và Công nghệ	6	6	
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	5	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	10	10	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	6	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	4	4	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16	16	
-	Số lượng phòng chuyên môn	11	11	Nă cá bác
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	5	5	
10	Sở Tài chính	7	7	

12	Sở Thông tin và Truyền thông	5	5	
-	Số lượng phòng chuyên môn	4	4	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	
13	Sở Tư pháp	6	6	
-	Số lượng phòng chuyên môn	4	4	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	2	2	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13	13	
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	5	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	8	8	
15	Sở Y tế	25	25	
-	Số lượng phòng chuyên môn	7	7	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	18	18	Nã đản Nhi việ việ
16	Thanh tra tỉnh	5	5	
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	5	

18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6	6	
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	5	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	
19	Ban Quản lý Khu Kinh tế	4	4	
-	Số lượng phòng chuyên môn	3	3	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	
II	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	506	485	
1	Thành phố Trà Vinh	45	42	
-	Số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND huyện	10	10	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện	35	32	Năi
2	Huyện Càng Long	75	69	
-	Số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	10	10	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	65	59	Năi
3	Huyện Cầu Kè	59	55	
-	Số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	10	10	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	49	45	Năi

-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	46	46	
6	Thị xã Duyên Hải	34	34	
-	Số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	9	9	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	25	25	
7	Huyện Duyên Hải	40	40	
-	Số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	10	10	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	30	30	
8	Huyện Cầu Ngang	73	65	
-	Số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	10	10	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	63	55	N
9	Huyện Trà Cú	71	71	
-	Số lượng phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	10	10	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	61	61	

Ghi chú:

1. Năm 2018: Đã thực hiện hợp nhất giảm 27 cơ quan chuyên môn cấp huyện (Hợp nhất: Ban Tổ chức cấp ủy với Phòng Nội vụ cấp huyện, Văn phòng cấp ủy với Văn phòng cấp ủy với Thanh tra cấp huyện)

2. Số lượng Phòng chuyên môn: Đã tổng hợp số lượng các Chi cục trực thuộc Sở ngành và trung ương



DANH SÁCH
CÁC SỞ, NGÀNH TỈNH VÀ UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
BÁO CÁO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019
(Thời hạn báo cáo trước ngày 30/11/2019, kết quả tính đến ngày 04/12/2019)

Số TT	Đơn vị	Có gửi báo cáo	Không gửi báo cáo	Ghi chú
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	X		
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	X		
3	Sở Nội vụ	X		
4	Sở Tài chính	X		
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	X		03/12
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X		
7	Sở Thông tin Truyền thông	X		02/12
8	Sở Công Thương	X		02/12
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	X		02/12
10	Sở Y tế	X		
11	Sở Xây dựng	X		
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		
13	Sở Tư pháp	X		
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	X		
15	Sở Giao thông vận tải	X		
16	Sở Khoa học và Công nghệ	X		02/12
17	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	X		
18	Thanh tra tỉnh	X		
19	Ban Dân tộc tỉnh		X	
20	UBND thành phố Trà Vinh	X		
21	UBND huyện Càng Long	X		
22	UBND huyện Tiểu Cần	X		
23	UBND huyện Cầu Kè	X		
24	UBND huyện Trà Cú	X		
25	UBND huyện Châu Thành	X		
26	UBND huyện Cầu Ngang	X		
27	UBND thị xã Duyên Hải	X		
28	UBND huyện Duyên Hải	X		
29	Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh		X	
30	Trường Đại học Trà Vinh	X		
31	Ban Quản lý Khu kinh tế	X		
32	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	X		
33	Kho bạc Nhà nước tỉnh	X		02/12
Tổng cộng				